

Số: /2026/TT-BXD

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

THÔNG TƯ**Quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn của lãnh đạo, đảng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ của đơn vị đăng kiểm phương tiện thủy nội địa**

Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 33/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 2 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ tổ chức cán bộ và Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Thông tư quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn của lãnh đạo, đảng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ của đơn vị đăng kiểm phương tiện thủy nội địa.

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của lãnh đạo, đảng kiểm viên, nhân viên nghiệp vụ của đơn vị đăng kiểm phương tiện thủy nội địa (sau đây gọi là đơn vị đăng kiểm).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Thông tư này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động đăng kiểm phương tiện thủy nội địa.

2. Thông tư này không áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện đăng kiểm phương tiện làm nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, tàu cá.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Lãnh đạo đơn vị đăng kiểm (sau đây gọi là lãnh đạo đơn vị) là người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu đơn vị đăng kiểm được giao phụ trách công tác đăng kiểm phương tiện thủy nội địa.

2. Đảng kiểm viên phương tiện thủy nội địa (sau đây gọi là Đảng kiểm viên) là người có đủ tiêu chuẩn theo quy định, được công nhận là Đảng kiểm viên để thực hiện hoạt động đăng kiểm phương tiện thủy nội địa.

Đăng kiểm viên bao gồm Đăng kiểm viên thực hiện kiểm tra và Đăng kiểm viên thực hiện thẩm định thiết kế.

3. Đăng kiểm viên thực hiện kiểm tra là Đăng kiểm viên thực hiện kiểm tra tại hiện trường các hạng mục thuộc phần vỏ, phần máy của phương tiện thủy nội địa theo quy định của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.

Đăng kiểm viên thực hiện kiểm tra bao gồm 02 hạng: Hạng I và hạng II.

4. Đăng kiểm viên thực hiện thẩm định thiết kế là đăng kiểm viên thực hiện thẩm định các loại hồ sơ thiết kế và tài liệu hướng dẫn thuộc phần vỏ, phần máy của phương tiện thủy nội địa được thiết lập theo quy định của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.

5. Nhân viên nghiệp vụ đơn vị đăng kiểm (sau đây gọi là nhân viên nghiệp vụ) là người thực hiện việc tiếp nhận công việc, lưu trữ, cấp phát hồ sơ, ấn chỉ dùng trong hoạt động đăng kiểm và thực hiện các công việc khác phục vụ cho hoạt động đăng kiểm phương tiện thủy nội địa.

Chương II

TIÊU CHUẨN CỦA LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ, ĐĂNG KIỂM VIÊN, NHÂN VIÊN NGHIỆP VỤ

Điều 4. Tiêu chuẩn của nhân viên nghiệp vụ

1. Tốt nghiệp trung cấp trở lên.
2. Hoàn thành chương trình tập huấn nhân viên nghiệp vụ đăng kiểm phương tiện thủy nội địa.

Điều 5. Tiêu chuẩn đăng kiểm viên thực hiện kiểm tra hạng II

1. Có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên với ngành hoặc chuyên ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm.
2. Đã hoàn thành chương trình tập huấn nghiệp vụ đăng kiểm viên thực hiện kiểm tra hạng II theo quy định của Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam.
3. Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và sử dụng được ngoại ngữ theo yêu cầu của vị trí việc làm.
4. Đã thực tập nghiệp vụ kiểm tra tại đơn vị đăng kiểm theo chương trình thực tập nghiệp vụ đối với các phương tiện thuộc nhiệm vụ của đăng kiểm viên thực hiện kiểm tra hạng II theo quy định của Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam trong thời gian:
 - a) Tối thiểu 12 (mười hai) tháng đối với người chưa có kinh nghiệm công tác.
 - b) Tối thiểu 06 (sáu) tháng đối với người đã có từ 01 (một) đến 03 (ba) năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực kỹ thuật hoặc vận hành tàu thủy, công trình biển.

c) Tối thiểu 03 (ba) tháng đối với người đã có trên 03 (ba) năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực kỹ thuật hoặc vận hành tàu thủy, công trình biển.

5. Đạt yêu cầu tại đợt đánh giá thực tế năng lực thực hành nghiệp vụ kiểm tra hạng II trước khi công nhận.

Điều 6. Tiêu chuẩn đăng kiểm viên thực hiện kiểm tra hạng I

1. Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên với ngành hoặc chuyên ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm.

2. Đã hoàn thành chương trình tập huấn nghiệp vụ đăng kiểm viên thực hiện kiểm tra hạng I theo quy định của Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam.

3. Là đăng kiểm viên thực hiện kiểm tra hạng II có tổng thời gian giữ hạng đủ 12 (mười hai) tháng.

4. Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và sử dụng được ngoại ngữ theo yêu cầu của vị trí việc làm.

5. Đã thực tập nghiệp vụ kiểm tra tại đơn vị đăng kiểm theo chương trình thực tập nghiệp vụ đối với các phương tiện thuộc nhiệm vụ của đăng kiểm viên thực hiện kiểm tra hạng I theo quy định của Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam.

6. Đạt yêu cầu tại đợt đánh giá thực tế năng lực thực hành nghiệp vụ kiểm tra hạng I trước khi công nhận.

7. Đăng kiểm viên tàu biển đã được công nhận theo quy định của pháp luật và có Giấy chứng nhận đăng kiểm viên tàu biển còn thời hạn hiệu lực hoặc Đăng kiểm viên của tổ chức đăng kiểm nước ngoài là thành viên của Hiệp hội các Tổ chức phân cấp quốc tế (IACS), sau khi đáp ứng quy định tại khoản 2 Điều này sẽ được công nhận đăng kiểm viên thực hiện kiểm tra phương tiện thủy nội địa hạng I với các hạng mục kiểm tra tương ứng với Giấy chứng nhận đăng kiểm viên tàu biển.

Điều 7. Tiêu chuẩn đăng kiểm viên thực hiện thẩm định thiết kế

1. Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên với ngành hoặc chuyên ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm.

2. Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và sử dụng được ngoại ngữ theo yêu cầu của vị trí việc làm.

3. Đã hoàn thành chương trình tập huấn nghiệp vụ đăng kiểm viên thực hiện thẩm định thiết kế phương tiện thủy nội địa theo quy định của Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam.

4. Đã thực tập nghiệp vụ thẩm định thiết kế đối với các hồ sơ thiết kế, tài liệu hướng dẫn thuộc nhiệm vụ của đăng kiểm viên thực hiện thẩm định thiết kế phương tiện thủy nội địa theo quy định của Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam trong thời gian:

a) Tối thiểu 06 (sáu) tháng đối với người chưa có kinh nghiệm công tác.

b) Tối thiểu 03 (ba) tháng đối với người có thời gian thực hiện nhiệm vụ thiết kế tàu thủy tại các đơn vị thiết kế tàu thủy tối thiểu 02 (hai) năm hoặc Đăng kiểm viên thực hiện kiểm tra.

5. Đạt yêu cầu tại đợt đánh giá thực tế năng lực thực hành nghiệp vụ thẩm định thiết kế phương tiện thủy nội địa trước khi công nhận.

6. Đăng kiểm viên tàu biển đã được công nhận thực hiện công tác thẩm định thiết kế tàu biển theo quy định của pháp luật và có Giấy chứng nhận đăng kiểm viên tàu biển còn thời hạn hiệu lực, sau khi đáp ứng quy định tại khoản 3 Điều này sẽ được công nhận đăng kiểm viên thực hiện thẩm định thiết kế phương tiện thủy nội địa với nhiệm vụ, phạm vi thực hiện tương ứng với Giấy chứng nhận đăng kiểm viên tàu biển.

Điều 8. Tiêu chuẩn lãnh đạo đơn vị

1. Đáp ứng tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

2. Có trình độ đại học trở lên và là đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa hoặc đăng kiểm viên tàu biển.

Chương III

NHIỆM VỤ CỦA NHÂN VIÊN NGHIỆP VỤ, ĐĂNG KIỂM VIÊN, LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ

Điều 9. Nhiệm vụ của nhân viên nghiệp vụ

Nhân viên nghiệp vụ thực hiện các nhiệm vụ dưới đây theo sự phân công của lãnh đạo đơn vị:

1. Tiếp nhận yêu cầu công việc.
2. Cấp phát hồ sơ đăng kiểm phương tiện.
3. Ghi hồ sơ, sổ quản lý phục vụ hoạt động đăng kiểm.
4. Thống kê, báo cáo.
5. Tiếp nhận, quản lý, lưu trữ hồ sơ, ấn chỉ phục vụ hoạt động đăng kiểm.
6. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của lãnh đạo đơn vị.

Điều 10. Nhiệm vụ, phạm vi thực hiện của đăng kiểm viên thực hiện kiểm tra hạng II

1. Nhiệm vụ

- a) Kiểm tra lần đầu, chu kỳ, bất thường, hoán cải phương tiện.
- b) Lập và cấp hồ sơ đăng kiểm cho các đối tượng kiểm tra.
- c) Hướng dẫn thực tập nghiệp vụ cho đăng kiểm viên thực tập hạng II.
- d) Kiểm tra chất lượng sản phẩm công nghiệp sử dụng trong đóng mới, hoán cải, lắp đặt trên phương tiện.

e) Giám định trạng thái kỹ thuật, tham gia điều tra tai nạn đối với phương tiện thủy nội địa trong phạm vi thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

g) Tính giá dịch vụ, lệ phí đăng kiểm cho đối tượng kiểm tra theo quy định.

h) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của lãnh đạo đơn vị.

2. Phạm vi thực hiện

Thực hiện nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều này theo phạm vi được Cục Đăng kiểm Việt Nam công nhận đối với tất cả các phương tiện thủy nội địa, trừ: phương tiện hoạt động tuyến vận tải đường thủy nội địa ven biển, từ bờ ra đảo, giữa các đảo; phương tiện chở hàng nguy hiểm; phương tiện chở khí hóa lỏng; phương tiện chở xô hóa chất nguy hiểm; phương tiện chở dầu có nhiệt độ chớp cháy nhỏ hơn hoặc bằng 60°C, có trọng tải toàn phần từ 500 tấn trở lên; phương tiện cao tốc chở khách; tàu đệm khí; nhà hàng nổi, khách sạn nổi, tàu thủy lưu trú du lịch ngủ đêm; phương tiện chở khách có sức chở từ 100 khách trở lên.

Điều 11. Nhiệm vụ, phạm vi thực hiện của đăng kiểm viên thực hiện kiểm tra hạng I

1. Nhiệm vụ

a) Thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư này;

b) Tham gia tập huấn nghiệp vụ đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ;

c) Hướng dẫn thực tập nghiệp vụ cho đăng kiểm viên thực tập hạng I;

d) Tham gia đánh giá thực tế năng lực thực hành nghiệp vụ kiểm tra theo chỉ định của Cục Đăng kiểm Việt Nam;

đ) Chủ trì thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học, biên soạn sổ tay nghiệp vụ đăng kiểm viên; tham gia xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

2. Phạm vi thực hiện

Thực hiện nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều này theo phạm vi được Cục Đăng kiểm Việt Nam công nhận đối với tất cả các phương tiện thủy nội địa.

Điều 12. Nhiệm vụ, phạm vi thực hiện của đăng kiểm viên thực hiện thẩm định thiết kế

1. Nhiệm vụ

a) Thẩm định hồ sơ thiết kế, tài liệu hướng dẫn.

b) Lập hồ sơ liên quan đến việc thẩm định.

c) Tính giá dịch vụ, lệ phí đăng kiểm theo quy định.

d) Tham gia tập huấn nghiệp vụ đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ.

đ) Hướng dẫn thực tập nghiệp vụ cho đăng kiểm viên thực tập nghiệp vụ thẩm định thiết kế.

e) Tham gia đánh giá thực tế năng lực thực hành nghiệp vụ thẩm định thiết kế theo chỉ định của Cục Đăng kiểm Việt Nam.

g) Chủ trì thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học, biên soạn sổ tay nghiệp vụ đăng kiểm viên; tham gia xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

2. Phạm vi thực hiện:

Thực hiện nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều này theo phạm vi được Cục Đăng kiểm Việt Nam công nhận thẩm định thiết kế phương tiện thủy nội địa.

Điều 13. Nhiệm vụ của lãnh đạo đơn vị

1. Tổ chức thực hiện và kiểm tra, giám sát hoạt động đăng kiểm của đơn vị đăng kiểm theo quy định.

2. Tổ chức triển khai các nhiệm vụ khác theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Chương IV

QUYỀN HẠN, TRÁCH NHIỆM CỦA NHÂN VIÊN NGHIỆP VỤ, ĐĂNG KIỂM VIÊN, LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ

Điều 14. Quyền hạn, trách nhiệm của nhân viên nghiệp vụ

1. Quyền hạn

a) Từ chối cấp hồ sơ đăng kiểm, hồ sơ thẩm định thiết kế khi tổ chức, cá nhân không nộp giá dịch vụ và lệ phí đăng kiểm theo quy định.

b) Bảo lưu và báo cáo cấp trên trực tiếp của lãnh đạo đơn vị khi ý kiến của mình khác với ý kiến của lãnh đạo đơn vị.

2. Trách nhiệm

Chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện công việc được phân công trước lãnh đạo đơn vị và trước pháp luật.

Điều 15. Quyền hạn, trách nhiệm của Đăng kiểm viên thực hiện kiểm tra

1. Quyền hạn

a) Yêu cầu chủ phương tiện hoặc cơ sở đóng mới, sửa chữa phương tiện, cơ sở sản xuất sản phẩm công nghiệp tạo điều kiện cần thiết để thực hiện kiểm tra, bảo đảm an toàn trong quá trình thực hiện nhiệm vụ tại hiện trường.

b) Bảo lưu và báo cáo lên cấp trên trực tiếp của lãnh đạo đơn vị khi ý kiến khác với quyết định của lãnh đạo đơn vị về kết luận đánh giá trạng thái kỹ thuật của phương tiện, sản phẩm công nghiệp.

c) Được ký và sử dụng ấn chỉ nghiệp vụ khi lập hồ sơ đăng kiểm cho phương tiện, sản phẩm công nghiệp theo quy định.

d) Từ chối thực hiện nhiệm vụ nếu công việc được phân công chưa được đào tạo hoặc vượt quá năng lực chuyên môn của Đăng kiểm viên hoặc khi nhận thấy các điều kiện để thực hiện kiểm tra, an toàn lao động tại hiện trường không bảo đảm.

2. Trách nhiệm

a) Thực hiện công tác đăng kiểm khách quan, đúng pháp luật, phù hợp với các nội dung ghi trong Giấy chứng nhận Đăng kiểm viên và chức năng, nhiệm vụ của đơn vị đăng kiểm.

b) Chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện công việc được phân công trước lãnh đạo đơn vị và trước pháp luật.

Điều 16. Quyền hạn, trách nhiệm của Đăng kiểm viên thực hiện thẩm định thiết kế

1. Quyền hạn

a) Bảo lưu và báo cáo lên cấp trên ý kiến khác với quyết định của thủ trưởng đơn vị về kết luận đánh giá tài liệu hướng dẫn, hồ sơ thiết kế phương tiện, sản phẩm công nghiệp.

b) Được ký và sử dụng ấn chỉ nghiệp vụ khi thiết lập hồ sơ thẩm định thiết kế, tài liệu hướng dẫn theo quy định hiện hành.

c) Từ chối thẩm định hồ sơ thiết kế, tài liệu hướng dẫn nếu công việc được phân công chưa được đào tạo hoặc vượt quá năng lực chuyên môn.

2. Trách nhiệm

a) Thực hiện thẩm định thiết kế khách quan, đúng pháp luật, phù hợp với các nội dung ghi trong Giấy chứng nhận Đăng kiểm viên và chức năng, nhiệm vụ của đơn vị đăng kiểm.

b) Chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện công việc được phân công trước lãnh đạo đơn vị và trước pháp luật.

Điều 17. Quyền hạn, trách nhiệm của lãnh đạo đơn vị

1. Được ký hồ sơ thẩm định thiết kế, hồ sơ đăng kiểm theo quy định.

2. Hủy bỏ kết luận của Đăng kiểm viên khi xét thấy kết luận đó chưa đúng và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về hoạt động của đơn vị đăng kiểm theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Chương V

TẬP HUẤN NGHIỆP VỤ ĐĂNG KIỂM, CÔNG NHẬN VÀ ĐÌNH CHỈ ĐĂNG KIỂM VIÊN

Điều 18. Tập huấn và thực tập nghiệp vụ đăng kiểm

1. Chương trình tập huấn nghiệp vụ và thực tập nghiệp vụ đăng kiểm thực hiện theo quy định của Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam.

2. Nhân viên nghiệp vụ, Đăng kiểm viên sau khi hoàn thành chương trình tập huấn nghiệp vụ được cấp Giấy chứng nhận theo mẫu do Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam quy định.

Điều 19. Thẩm quyền công nhận đăng kiểm viên, đình chỉ tạm thời, thu hồi Giấy chứng nhận đăng kiểm viên

Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam quyết định công nhận đăng kiểm viên, đình chỉ tạm thời và thu hồi Giấy chứng nhận đăng kiểm viên theo quy định tại Thông tư này.

Điều 20. Hồ sơ đề nghị công nhận đăng kiểm viên

1. Giấy đề nghị của đơn vị đăng kiểm theo mẫu số 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này (bản chính);
2. Lý lịch chuyên môn của đăng kiểm viên theo mẫu số 02 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này (bản chính);
3. Báo cáo thực tập nghiệp vụ của người được đề nghị công nhận đăng kiểm viên theo mẫu do Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam quy định.

Điều 21. Công nhận đăng kiểm viên

1. Đơn vị đăng kiểm gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến đến Cục Đăng kiểm Việt Nam 01 (một) bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 20 của Thông tư này. Cục Đăng kiểm Việt Nam tiếp nhận, kiểm tra thành phần hồ sơ; trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, nếu thành phần hồ sơ không đầy đủ thì có văn bản hướng dẫn cho đơn vị đăng kiểm để bổ sung theo quy định.

2. Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Đăng kiểm Việt Nam thống nhất với đơn vị đăng kiểm về thời gian, địa điểm và chỉ định đăng kiểm viên để tiến hành đánh giá thực tế năng lực thực hành nghiệp vụ đối với người được đề nghị công nhận đăng kiểm viên.

Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc sau khi hoàn thành đánh giá thực tế năng lực thực hành nghiệp vụ của người được đề nghị công nhận đăng kiểm viên, đăng kiểm viên thực hiện đánh giá phải hoàn thành biên bản đánh giá thực tế năng lực thực hành nghiệp vụ đăng kiểm viên theo mẫu số 03, 04, 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Thời gian hoàn thành việc đánh giá thực tế năng lực thực hành nghiệp vụ tối đa 03 (ba) tháng, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

3. Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc sau khi nhận được biên bản đánh giá quy định tại khoản 2 Điều này, Cục Đăng kiểm Việt Nam căn cứ tiêu chuẩn đăng kiểm viên quy định tại Thông tư này và kết quả đánh giá thực tế năng lực thực hành nghiệp vụ: nếu đạt yêu cầu thì quyết định công nhận đăng kiểm viên và cấp Giấy chứng nhận đăng kiểm viên; nếu không đạt yêu cầu thì thông báo bằng văn bản cho đơn vị đăng kiểm đề nghị công nhận đăng kiểm viên.

Giấy chứng nhận đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa không có thời hạn theo mẫu số 06 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Đơn vị đăng kiểm được quyền đề nghị Cục Đăng kiểm Việt Nam đánh giá lại năng lực thực hành nghiệp vụ đối với người được đề nghị công nhận đăng kiểm viên sau thời gian tối thiểu 01 (một) tháng kể từ ngày nhận được văn bản thông báo kết quả đánh giá không đạt. Đơn vị đăng kiểm gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến đến Cục Đăng kiểm Việt Nam 01 (một) bộ hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều 20 của Thông tư này. Cục Đăng kiểm Việt Nam thực hiện trình tự, thủ tục công nhận đăng kiểm viên theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này.

5. Kết quả công nhận đăng kiểm viên được trả cho đơn vị đăng kiểm và người được đề nghị công nhận đăng kiểm viên trực tiếp tại trụ sở Cục Đăng kiểm Việt Nam hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến.

Điều 22. Cấp lại Giấy chứng nhận đăng kiểm viên

Trường hợp Giấy chứng nhận đăng kiểm viên nhưng bị mất, hư hỏng, đơn vị đăng kiểm có văn bản đề nghị cấp lại theo mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này. Cục Đăng kiểm Việt Nam cấp lại Giấy chứng nhận đăng kiểm viên trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, trường hợp không cấp lại có văn bản nêu rõ lý do.

Điều 23. Đình chỉ tạm thời giấy chứng nhận đăng kiểm viên

1. Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa bị đình chỉ tạm thời giấy chứng nhận đăng kiểm viên trong 30 ngày khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- a) Cố ý làm sai lệch kết quả hoạt động đăng kiểm.
- b) Có hành vi nhũng nhiễu, gây khó khăn, phiền hà cho tổ chức, cá nhân trong quá trình thực thi nhiệm vụ.
- c) Không thực hiện nhiệm vụ chuyên môn được giao mà không có lý do chính đáng.
- d) Vi phạm quy định về kỷ luật lao động; nội quy, quy chế làm việc của cơ quan, đơn vị.

2. Khi nhận được kiến nghị, phản ánh có căn cứ xác định đăng kiểm viên có hành vi quy định tại khoản 1 Điều này, trong thời hạn 07 ngày làm việc Cục Đăng kiểm Việt Nam ban hành quyết định đình chỉ tạm thời giấy chứng nhận đăng kiểm viên và thông báo đến đơn vị quản lý đăng kiểm viên vi phạm, đồng thời công bố trên Trang thông tin điện tử của Cục Đăng kiểm Việt Nam.

3. Đăng kiểm viên có giấy chứng nhận bị đình chỉ tạm thời không được thực hiện nhiệm vụ đăng kiểm trong thời gian quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 24. Thu hồi giấy chứng nhận đăng kiểm viên

1. Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa bị thu hồi giấy chứng nhận khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Vi phạm các quy định hiện hành khi thực thi nhiệm vụ với mức độ bị xử lý kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

b) Làm giả hồ sơ để được cấp giấy chứng nhận đăng kiểm viên.

c) Có từ 02 lần bị tạm đình chỉ đăng kiểm viên trong thời gian 12 tháng liên tục.

d) Bị kết tội bằng bản án đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án.

đ) Sử dụng các công cụ, phần mềm để sửa chữa dữ liệu phương tiện, dữ liệu kiểm định, chứng nhận nhằm hợp thức hóa thông tin phương tiện, kết quả kiểm tra phương tiện.

e) Bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự.

g) Không được lãnh đạo tổ chức đăng kiểm tiếp tục giao nhiệm vụ đăng kiểm phương tiện thủy nội địa.

2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày xác định được đăng kiểm viên thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, Cục Đăng kiểm Việt Nam ban hành quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng kiểm viên, gửi đến đơn vị quản lý đăng kiểm viên, đồng thời công bố trên Trang thông tin điện tử của Cục Đăng kiểm Việt Nam.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 25. Trách nhiệm của Cục Đăng kiểm Việt Nam

1. Quy định chương trình tập huấn nghiệp vụ, nội dung thực tập nghiệp vụ đăng kiểm phương tiện thủy nội địa và mẫu Giấy chứng nhận hoàn thành tập huấn nghiệp vụ, mẫu Báo cáo thực tập nghiệp vụ, mẫu Phụ lục Giấy chứng nhận đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa.

2. Tổ chức đánh giá thực tế năng lực thực hành nghiệp vụ đối với người được đề nghị công nhận Đăng kiểm viên và cấp, đình chỉ tạm thời, thu hồi Giấy chứng nhận, Phụ lục Giấy chứng nhận Đăng kiểm viên theo quy định tại Thông tư này.

Điều 26. Trách nhiệm của đơn vị đăng kiểm

1. Tổ chức, phân công đăng kiểm viên hướng dẫn thực hành nghiệp vụ đăng kiểm tại đơn vị phù hợp với năng lực được nêu trên Giấy chứng nhận đăng kiểm viên và phù hợp với thẩm quyền, nhiệm vụ của đơn vị.

2. Chịu trách nhiệm về các nội dung trong báo cáo thực tập nghiệp vụ của người được đề nghị thuộc đơn vị mình theo quy định tại Thông tư này.

Điều 27. Trách nhiệm của cơ sở đào tạo đại học có chuyên ngành liên quan đến đăng kiểm phương tiện thủy nội địa

1. Soạn thảo, ban hành kế hoạch, tài liệu đào tạo bổ sung chuyên môn, tập huấn nghiệp vụ đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa, nhân viên nghiệp vụ đăng kiểm phương tiện thủy nội địa theo quy định tại khoản 1 Điều 25.

2. Tổ chức đào tạo bổ sung chuyên môn, tập huấn nghiệp vụ đối với nhân viên nghiệp vụ đăng kiểm phương tiện thủy nội địa, đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa và kiểm tra, cấp giấy chứng nhận theo quy định.

Điều 28. Điều khoản chuyển tiếp

1. Cục Đăng kiểm Việt Nam tổ chức rà soát, công nhận đăng kiểm viên đang giữ hạng theo Thông tư số 49/2015/TT-BGTVT ngày 22 tháng 9 năm 2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 02/2024/TT-BGTVT ngày 02 tháng 02 năm 2024.

2. Các đăng kiểm viên đang giữ hạng III theo quy định trước đây được công nhận chuyển tiếp thành đăng kiểm viên hạng II; các đăng kiểm viên đang giữ hạng II được công nhận chuyển tiếp thành đăng kiểm viên hạng I.

3. Cục Đăng kiểm Việt Nam hoàn thành việc rà soát, công nhận chuyển tiếp trong thời hạn 12 (sáu) tháng kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực.

Điều 29. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 06 năm 2026.

2. Bãi bỏ:

a) Thông tư số 49/2015/TT-BGTVT ngày 22 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm phương tiện thủy nội địa;

b) Điều 9 Thông tư số 42/2018/TT-BGTVT ngày 30 tháng 7 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số Điều của các Thông tư trong lĩnh vực đăng kiểm;

c) Điều 2 Thông tư số 27/2023/TT-BGTVT ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đăng kiểm phương tiện thủy nội địa và tàu biển;

d) Thông tư số 02/2024/TT-BGTVT ngày 02 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn của lãnh đạo, đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ của đơn vị đăng kiểm phương tiện thủy nội địa.

đ) Điều 23, Điều 24, Điều 25, Điều 26 Thông tư số 59/2025/TT-BXD ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực hàng hải, đường thủy và đăng kiểm./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các Thứ trưởng;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Công báo;

BỘ TRƯỞNG

- Cổng TTĐT Chính phủ;
- Cổng TTĐT Bộ Xây dựng;
- Báo XD, Tạp chí XD;
- Lưu: VT, TCCB(5).

Trần Hồng Minh

Phụ lục
BIỂU MẪU CÔNG NHẬN ĐĂNG KIỂM VIÊN
PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

(Ban hành theo Thông tư số/2026/TT-BXD ngày tháng năm 2026 của
 Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

Mẫu số 01

ĐƠN VỊ ĐĂNG KIỂM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ
CÔNG NHẬN ĐĂNG KIỂM VIÊN PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

Kính gửi: Cục Đăng kiểm Việt Nam

Đơn vị đăng kiểm:

Địa chỉ:

Số điện thoại: E-mail:

Đề nghị Quý Cục công nhận Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa cho
 ông (bà):

1. Họ và tên:

2. Số CCCD:

3. Trình độ chuyên môn:

4. Hiện đang là Đăng kiểm viên (*):

5. Hạng đăng kiểm viên và nội dung đề nghị công nhận:

.....

.....

6. Hồ sơ gửi kèm:

.....

.....

.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ ĐĂNG KIỂM
 (Ký tên và đóng dấu)

(*) Ghi: Đăng kiểm viên thực tập hoặc hạng Đăng kiểm viên đang giữ.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

LÝ LỊCH CHUYÊN MÔN ĐĂNG KIỂM VIÊN

Phần I
TỰ THUẬT VỀ BẢN THÂN

Họ và tên:Số CCCD:

Đơn vị công tác:

Chức danh hiện giữ:

Trình độ: + Chuyên môn:.....

+ Ngoại ngữ:

Đã được đào tạo bổ sung những chuyên môn khác:

1. Vô tàu thủy ☐ 2. Máy tàu thủy ☐ 3. Điện tàu thủy ☐ 4. Vô tuyến điện ☐

Kết quả đạt loại

Đã hoàn thành chương trình đào tạo nghiệp vụ Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa hạng: do tổ chức, từ ngày đến ngày/...../....., tại

Quá trình công tác

TT	Chức danh	Chức vụ	Thời gian		Đơn vị công tác
			Từ	Đến	

Đào tạo nghiệp vụ

Tên khóa đào tạo	Địa điểm	Nơi đào tạo	Thời gian (từ - đến)	Kết quả

Khen thưởng kỷ luật:

TT	Hình thức khen thưởng, kỷ luật	Ngày ra quyết định	Thời hạn kỷ luật	Cơ quan ra quyết định khen thưởng, kỷ luật

Phần II**TỰ ĐÁNH GIÁ BẢN THÂN**

Đối chiếu với tiêu chuẩn Đảng kiểm viên phương tiện thủy nội địa hạng..... tôi tự xác định như sau:

Về phẩm chất đạo đức

Về chuyên môn

Về trình độ ngoại ngữ

Về trình độ nghiệp vụ Đảng kiểm.....

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng, nếu có gì sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm./.

Xác nhận của đơn vị đăng kiểm

.....

.....

.....

NGƯỜI KHAI LÝ LỊCH

(Ký và ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ ĐĂNG KIỂM

(Ký tên và đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN
ĐÁNH GIÁ THỰC TẾ NĂNG LỰC THỰC HÀNH NGHIỆP VỤ
KIỂM TRA PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

Hôm nay, ngày tháng năm, tại:

Căn cứ quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa, Đăng kiểm viên được Cục Đăng kiểm Việt Nam chỉ định gồm:

- Ông Chức vụ:

- Ông Chức vụ:

Đã tiến hành đánh giá thực tế năng lực thực hành nghiệp vụ kiểm tra phương tiện thủy nội địa của ông (bà) hiện là Đăng kiểm viên thực tập/phương tiện thủy nội địa, hạng, được đơn vị: đề nghị công nhận hạng mục:

- Kiểm tra phần vỏ:

.....

- Kiểm tra phần máy:

.....

I. Nội dung đánh giá và kết quả đánh giá

TT	NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ	KẾT QUẢ	
		Đạt	Không đạt
1. Quy định về nghiệp vụ			
1.1		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
1.2		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
1.3		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
...	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2. Kiểm tra thực tế phương tiện trong đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi theo QCVN 25			
2.1	Công tác chuẩn bị kiểm tra	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2.2	Thực hiện kiểm tra	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2.3	Lập biên bản kiểm tra	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3. Kiểm tra thực tế phương tiện trong đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi theo QCVN 72			
3.1	Công tác chuẩn bị kiểm tra	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3.2	Thực hiện kiểm tra:		
3.2.1	Kiểm tra đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi:	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3.2.2	Xem xét thiết kế thi công:	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

TT	NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ	KẾT QUẢ	
		Đạt	Không đạt
3.2.3	Xem xét thiết kế hoàn công:	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3.3	Lập biên bản kiểm tra	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4. Kiểm tra thực tế phương tiện đang khai thác theo QCVN 25			
4.1	Công tác chuẩn bị cho việc kiểm tra	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4.2	Thực hiện kiểm tra:		
4.2.1	Kiểm tra trên đà:	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4.2.2	Kiểm tra hàng năm:	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4.2.3	Kiểm tra bất thường:	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4.3	Lập biên bản kiểm tra	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5. Kiểm tra thực tế phương tiện đang khai thác theo QCVN 72			
5.1	Công tác chuẩn bị cho việc kiểm tra	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5.2	Thực hiện kiểm tra		
5.2.1	Kiểm tra định kỳ:	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5.2.2	Kiểm tra trên đà:	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5.2.3	Kiểm tra trung gian:	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5.2.4	Kiểm tra hàng năm:	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5.2.5	Kiểm tra bất thường:	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5.3	Lập biên bản kiểm tra	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
6. Lập cấp hồ sơ đăng kiểm			
6.1	Sử dụng chương trình quản lý phương tiện thủy nội địa trên máy tính	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
6.2	Lập hồ sơ đăng kiểm cho phương tiện	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
6.3	Lập các báo cáo giám sát của đơn vị	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

II. Lý do không đạt (nếu có, ghi rõ các lỗi)

.....

.....

III. Yêu cầu sau đánh giá

.....

.....

Việc đánh giá thực tế năng lực Đăng kiểm viên kết thúc vào hồi ... giờ ... phút, ngày ... tháng ... năm, Biên bản này lập thành 02 bản, ... bản lưu tại đơn vị đăng kiểm, bản gửi về Cục Đăng kiểm Việt Nam./.

**ĐĂNG KIỂM VIÊN ĐƯỢC ĐƠN VỊ
ĐĂNG KIỂM ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN**
(Ký tên và ghi rõ họ tên)

ĐĂNG KIỂM VIÊN ĐÁNH GIÁ
(Ký tên và ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN
ĐÁNH GIÁ THỰC TẾ NĂNG LỰC THỰC HÀNH NGHIỆP VỤ
KIỂM TRA SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP DÙNG CHO
PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

Hôm nay, ngày tháng năm, tại:

Căn cứ quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa, Đăng kiểm viên được Cục Đăng kiểm Việt Nam chỉ định gồm:

- Ông Chức vụ:

- Ông Chức vụ:

Đã tiến hành đánh giá thực tế năng lực thực hành nghiệp vụ kiểm tra sản phẩm công nghiệp dùng cho phương tiện thủy nội địa của ông (bà) hiện là Đăng kiểm viên thực tập/phương tiện thủy nội địa, hạng, được đơn vị: đề nghị công nhận hạng mục:

1	Kiểm tra máy chính, máy phụ	<input type="checkbox"/>
2	Kiểm tra nồi hơi	<input type="checkbox"/>
3	Kiểm tra bình chịu áp lực	<input type="checkbox"/>
4	Kiểm tra chứng nhận quy trình hàn	<input type="checkbox"/>
5	Kiểm tra thử không phá hủy	<input type="checkbox"/>
6	Kiểm tra thợ hàn	<input type="checkbox"/>
7	Kiểm tra thiết bị nâng	<input type="checkbox"/>
8	Kiểm tra máy neo, lái, tời (điện, diesel, thủy lực)	<input type="checkbox"/>
9	Kiểm tra neo	<input type="checkbox"/>
10	Kiểm tra chân vịt	<input type="checkbox"/>
11	Kiểm tra hệ trục chân vịt	<input type="checkbox"/>
12	Kiểm tra xích, cáp	<input type="checkbox"/>
13	Kiểm tra hệ trục chân vịt	<input type="checkbox"/>
14	Kiểm tra xích, cáp	<input type="checkbox"/>
15	Kiểm tra vật liệu	<input type="checkbox"/>
16	Kiểm tra thiết bị cứu sinh	<input type="checkbox"/>
17	Kiểm tra thiết bị cứu hỏa	<input type="checkbox"/>
18	Kiểm tra thiết bị ngăn ngừa ô nhiễm	<input type="checkbox"/>
19	Kiểm tra công nhận phòng thí nghiệm, trạm thử	<input type="checkbox"/>

I. Nội dung đánh giá và kết quả đánh giá

1. Hạng mục:

TT	NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ	KẾT QUẢ	
		Đạt	Không đạt
1. Quy định về nghiệp vụ			
1.1		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
1.2		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
1.3		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
...	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2. Kiểm tra sản phẩm công nghiệp			
2.1	Công tác chuẩn bị kiểm tra	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2.2	Thực hiện kiểm tra sản phẩm công nghiệp	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2.3	Lập biên bản kiểm tra	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3. Lập cấp hồ sơ đăng kiểm			
3.1	Sử dụng chương trình, phần mềm quản lý sản phẩm công nghiệp trên máy tính	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3.2	Lập hồ sơ đăng kiểm cho sản phẩm công nghiệp	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3.3	Lập các báo cáo	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

2. Hạng mục:

TT	NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ	KẾT QUẢ	
		Đạt	Không đạt
1. Quy định về nghiệp vụ			
1.1		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
1.2		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
1.3		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
...	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2. Kiểm tra sản phẩm công nghiệp			
2.1	Công tác chuẩn bị kiểm tra	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
	Thực hiện kiểm tra sản phẩm công nghiệp	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2.3	Lập biên bản kiểm tra	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3. Lập cấp hồ sơ đăng kiểm			
3.1	Sử dụng chương trình, phần mềm quản lý sản phẩm công nghiệp trên máy tính	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3.2	Lập hồ sơ đăng kiểm cho sản phẩm công nghiệp	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3.3	Lập các báo cáo	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

.... Hạng mục:

(lập lại Bảng đánh giá như đối với Hạng mục 1 và 2)

II. Lý do không đạt (nếu có; ghi rõ các lỗi đối với hạng mục không đạt)

.....

.....

III. Yêu cầu sau đánh giá

.....

.....

Việc đánh giá thực tế năng lực Đảng kiểm viên kết thúc vào hồi ... giờ ... phút, ngày ... tháng ... năm Biên bản này lập thành 02 bản, ... bản lưu tại đơn vị đăng kiểm, bản gửi về Cục Đăng kiểm Việt Nam./.

**ĐẢNG KIỂM VIÊN ĐƯỢC ĐƠN VỊ
ĐĂNG KIỂM ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN**
(Ký tên và ghi rõ họ tên)

ĐẢNG KIỂM VIÊN ĐÁNH GIÁ
(Ký tên và ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN
ĐÁNH GIÁ THỰC TẾ NĂNG LỰC THỰC HÀNH NGHIỆP VỤ
THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ, TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN
PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA, SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP

Hôm nay, ngày tháng năm, tại:

Căn cứ quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa, Đăng kiểm viên được Cục Đăng kiểm Việt Nam chỉ định gồm:

- Ông Chức vụ:

- Ông Chức vụ:

Đã tiến hành đánh giá thực tế năng lực thực hành nghiệp vụ thẩm định thiết kế, tài liệu hướng dẫn phương tiện thủy nội địa, sản phẩm công nghiệp của ông (bà) hiện là Đăng kiểm viên thực tập/phương tiện thủy nội địa, hạng, được đơn vị: đề nghị công nhận hạng mục:

- Phần vỏ:

.....

- Phần máy:

.....

- Sản phẩm công nghiệp:

.....

I. Nội dung đánh giá và kết quả đánh giá

TT	NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ	KẾT QUẢ	
		Đạt	Không đạt
1. Quy định về nghiệp vụ			
1.1		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
1.2		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
1.3		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
...	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2. Thẩm định thiết kế phương tiện theo QCVN 25			
2.1	Công tác chuẩn bị thẩm định	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2.2	Thực hiện thẩm định thiết kế:		
2.2.1	Thực hiện thẩm định thiết kế đóng mới	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2.2.2	Thực hiện thẩm định thiết kế lập hồ sơ	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2.2.3	Thực hiện thẩm định thiết kế hoán cải	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

TT	NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ	KẾT QUẢ	
		Đạt	Không đạt
2.3	Lập hồ sơ thẩm định	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3. Thẩm định thiết kế phương tiện theo QCVN 72			
3.1	Công tác chuẩn bị thẩm định	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3.2	Thực hiện thẩm định thiết kế:		
3.2.1	Thực hiện thẩm định thiết kế đóng mới	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3.2.2	Thực hiện thẩm định thiết kế lập hồ sơ	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3.2.3	Thực hiện thẩm định thiết kế hoán cải	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3.2.4	Thẩm định thiết kế sửa đổi	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3.2	Thực hiện thẩm định thiết kế:		
3.2.1	Thực hiện thẩm định thiết kế đóng mới	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3.2.2	Thực hiện thẩm định thiết kế lập hồ sơ	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3.2.3	Thực hiện thẩm định thiết kế hoán cải	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3.2.4	Thẩm định thiết kế sửa đổi	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3.3	Lập hồ sơ thẩm định	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4. Thẩm định tài liệu hướng dẫn theo quy chuẩn áp dụng			
4.1	Công tác chuẩn bị thẩm định	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4.2	Thực hiện thẩm định	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4.3	Lập hồ sơ thẩm định	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5. Thẩm định thiết kế sản phẩm công nghiệp theo quy chuẩn áp dụng			
5.1	Công tác chuẩn bị thẩm định	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5.2	Thực hiện thẩm định	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5.3	Lập hồ sơ thẩm định	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
6. Lập cấp hồ sơ đăng kiểm			
6.1	Sử dụng chương trình, phần mềm quản lý phương tiện thủy nội địa, sản phẩm công nghiệp trên máy tính	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
6.2	Lập hồ sơ thẩm định	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
6.3	Lập các báo cáo của đơn vị	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

II. Lý do không đạt (nếu có; ghi rõ các lỗi)

.....

.....

III. Yêu cầu sau đánh giá

.....

.....

Việc đánh giá thực tế năng lực Đăng kiểm viên kết thúc vào hồi ... giờ ... phút, ngày ... tháng ... năm Biên bản này lập thành 02 bản, ... bản lưu tại đơn vị đăng kiểm, bản gửi về Cục Đăng kiểm Việt Nam./.

**ĐĂNG KIỂM VIÊN ĐƯỢC ĐƠN VỊ
ĐĂNG KIỂM ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN**
(Ký tên và ghi rõ họ tên)

ĐĂNG KIỂM VIÊN ĐÁNH GIÁ
(Ký tên và ghi rõ họ tên)

**BỘ XÂY DỰNG
CỤC ĐĂNG KIỆM VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày tháng năm.....

**GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KIỆM VIÊN PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

**CỤC TRƯỞNG CỤC ĐĂNG KIỆM VIỆT NAM
CHỨNG NHẬN:**

Họ và tên:

Ngày tháng năm sinh:

Số CCCD:

Số đăng kiểm viên:

Được công nhận là: Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa

Hạng

Được thực hiện công việc nêu trong (các) Phụ lục kèm theo Giấy chứng nhận này./.

NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN (*)
(Ký tên và đóng dấu)

(*) Người có thẩm quyền là Cục trưởng hoặc Phó Cục trưởng được ủy quyền.

ĐƠN VỊ ĐĂNG KIỂM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày tháng năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KIỂM VIÊN
PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

Kính gửi: Cục Đăng kiểm Việt Nam

Đơn vị đăng kiểm:

Địa chỉ:

Số điện thoại: E-mail:

Đề nghị Quý Cục cấp lại Giấy chứng nhận Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa cho ông (bà):

1. Họ và tên:

2. Số CCCD:

3. Hiện đang là Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa, hạng

4. Giấy chứng nhận đăng kiểm viên số:

cấp ngày tháng năm

5. Lý do đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng kiểm viên:

.....

.....

6. Hồ sơ gửi kèm:

.....

.....

.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ ĐĂNG KIỂM*(Ký tên và đóng dấu)*